TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Nhã Quyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Lê Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/HNGĐ-DS ngày 13/3/2025 về việc *"Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con"* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày

- Về hôn nhân: Chị H và anh L qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận cho tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới, chung sống năm 2007. Đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 25/2008, cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau có được 02 đứa con chung. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẩn, chị H nhận thấy anh L không có trách nhiệm với gia đình, anh L không hỗ trợ chị H trong chăm sóc và nuôi dạy con cái. Mâu thuẩn phát sinh

ngày càng gay gắt nên từ năm 2022 chị H và các con đi thuê nhà để ở riêng, anh L không có đóng góp tiền nuôi con ăn học. Chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh L, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Văn K sinh ngày 18/9/2012, hiện con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

-Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn L

Anh Nguyễn Văn L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Căn cước công dân của chị H và anh L (bản photo); Giấy chứng nhận kết hôn của chị H và anh L (bản chính); Giấy khai sinh Nguyễn Thị Tường V và Nguyễn Văn K (bản sao), Văn bản ý kiến của Nguyễn Thị Tường V và Nguyễn Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã G, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn L.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L qua thời gian tìm hiểu thì được gia đình hai bên chấp thuận cho tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới, sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 25/2008, cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau thời gian chung sống thì nay chị H yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị H không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với anh L. Về phía anh L là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do cũng như không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ nhận định anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị H trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Văn K sinh ngày 18/9/2012, hiện con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* ".

Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết."*

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị H và anh L xảy ra mâu thuẫn đến nay chị H là người nuôi dưỡng trực tiếp chăm sóc con chung, lo lắng cho con chung đầy đủ và hiện nay các con chung đang sống với chị H đang phát triển và được chăm sóc tốt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu V và cháu K, bên cạnh đó, theo văn bản ghi ý kiến của cháu cháu V và cháu K thì hai cháu có nguyện vọng được sống với chị H. Anh L cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và cấp dưỡng nuôi

con. Do đó, chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Văn K sinh ngày 18/9/2012. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 6/2025 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng anh L không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Văn K sinh ngày 18/9/2012. Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con chung bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi Nguyễn Thị Tường V và Nguyễn Văn K đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, chị H và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0002130 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND huyện Cao Lãnh;
- CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Gáo Giồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Nhã Quyên